TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 30/7/2025

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng và bà Nguyễn Thị An.

- ***Thư ký phiên toà****:* Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên*** *tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4A/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ trụ sở: Số 198 T, phường L, quận H, thành phố H1 (nay là số 198 T, phường H, thành phố H1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H2 - Giám đốc Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 (Giấy ủy quyền số 1202/UQ-VCB-PC ngày 09/9/2024).

Người được ủy quyền lại: Bà Tạ Thị Kim C - Phó trưởng phòng phụ trách Phòng giao dịch H3 (Giấy ủy quyền số 08/UQ-TBI-HH ngày 23/01/2025).

Bị đơn: Ông Trần Việt D, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh T2 (nay là thôn P, xã V3, tỉnh H4).

(Tại phiên tòa có mặt bà Tạ Thị Kim C, vắng mặt ông Trần Việt D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày và có yêu cầu như sau:

Ngày 12/4/2019, ông Trần Việt D ký với Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Ông Trần Việt D được Ngân hàng TMCP V phát hành thẻ tín dụng quốc tế Master để thanh toán các chi phí tiêu dùng cá nhân như sau: Số tài khoản thẻ: M0210000248, hạn mức tín dụng thẻ tại thời điểm phát hành lần đầu: 75.000.000 đồng, hạn mức tín dụng thẻ được điều chỉnh: 200.000.000 đồng, thời hạn sử dụng thẻ: tháng 05/2024, lãi suất cho vay thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trong thời gian sử dụng thẻ từ kỳ sao kê tháng 12/2023 đến kỳ sao kê tháng 01/2025, ông Trần Việt D phát sinh các khoản dư nợ gốc, lãi, phí như sau: Tổng dư nợ gốc phát sinh đầu kỳ (1): 187.526.231 đồng, tổng lãi (2): 31.749.128 đồng, tổng phí, phí phạt (3): 10.015.425 đồng, tổng số tiền đã thanh toán trong các kỳ sao kê (4): 64.132.115 đồng. Như vậy, tính đến kỳ sao kê 10/01/2025, ông Trần Việt D còn dư nợ thẻ tín dụng Master nêu trên với tổng số tiền là (1) + (2) + (3) - (4) = 165.158.669 đồng. Bên cạnh đó, ông Trần Việt D còn có dư nợ thẻ tín dụng bị quá hạn tại các ngân hàng khác, chuyển nợ không đủ tiêu chuẩn. Do vậy, dư nợ thẻ tín dụng của ông Trần Việt D tại Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 bị chuyển nợ nhóm 2 theo CIC từ tháng 12/2023 và hiện đang phân loại nợ nhóm 5 theo CIC.

Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thu hồi nợ: Kể từ khi khoản vay chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 đã nhiều lần liên hệ với ông Trần Việt D thông qua các hình thức như gửi thông báo nhắc nợ qua email, điện thoại, gửi thư qua đường bưu điện để yêu cầu trả nợ, cụ thể: Hàng tháng gửi thông báo sao kê thẻ tín dụng qua email của khách hàng, nhiều lần liên hệ với khách hàng qua số điện thoại khách hàng đăng ký tại Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 nhưng đều không liên hệ được. Do ông Trần Việt D không trả được nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Trần Việt D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2025: 195.991.424 đồng *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm hai*

mươi tư đồng), trong đó dư nợ gốc chưa thanh toán: 149.218.930 đồng, lãi chưa thanh toán: 24.127.260 đồng, phí chưa thanh toán: 22.645.234 đồng.

Ông Trần Việt D phải trả toàn bộ các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Master kể từ ngày Toà ra bản án cho đến ngày thực tế ông Trần Việt D thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình.

Bị đơn là ông Trần Việt D nhiều lần được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Xác minh tại nơi cư trú của ông Trần Việt D thể hiện: Ông Trần Việt D đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã V1, huyện V2, tỉnh T2 (nay là thôn P, xã V3, tỉnh H4). Hiện nay, ông Dũng đang đi làm ở nơi khác. Chính quyền địa phường không biết ông Dũng đi đâu, làm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 117, 119, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Việt D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền phát sinh theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/4/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là 195.991.424 đồng, trong đó dư nợ gốc chưa thanh toán: 149.218.930 đồng, lãi chưa thanh toán: 24.127.260 đồng, phí chưa thanh toán: 22.645.234 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Việt D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí: Ông Trần Việt D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và ông Trần Việt D, mục đích để thanh toán các chi phí tiêu dùng cá nhân, là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc quan hệ pháp luật dân sự. Các đương sự thoả thuận tại hợp đồng Toà án giải quyết tranh chấp là Toà án nơi có trụ sở chi nhánh của Ngân hàng TMCP V. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên).

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Thỏa thuận của Ngân hàng và bị đơn trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/4/2019 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xác định hợp đồng hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã phát hành thẻ, cấp hạn mức tín dụng ban đầu 75.000.000 đồng, sau đó điều chỉnh lên 200.000.000 đồng, đúng theo thỏa thuận. Ông Dũng đã sử dụng thẻ để thanh toán chi tiêu cá nhân, phát sinh dư nợ qua các kỳ sao kê. Trong thời gian sử dụng thẻ từ kỳ sao kê tháng 12/2023 đến kỳ sao kê tháng 01/2025, ông Trần Việt D phát sinh tổng dư nợ gốc phát sinh đầu kỳ: 187.526.231 đồng, tổng lãi: 31.749.128 đồng, tổng phí, phí phạt: 10.015.425 đồng, tổng số tiền đã thanh toán trong các kỳ sao kê: 64.132.115 đồng. Bị đơn không có ý kiến trình bày nhưng việc bị đơn đã tự nguyện thanh toán số tiền 64.132.115 đồng cho Ngân hàng TMCP V là sự thừa nhận việc xác lập quan hệ vay giữa hai bên. Như vậy, tính đến kỳ sao kê 10/01/2025, ông Trần Việt D còn dư nợ thẻ tín dụng với tổng số tiền là 165.158.669 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng của ông Trần Việt D tại Ngân hàng TMCP V chi nhánh T2 bị chuyển nợ nhóm 2 theo CIC từ tháng 12/2023, hiện đang phân loại nợ nhóm 5 theo CIC. Việc ông Dũng không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự và nội dung hợp đồng đã ký kết, gây thiệt hại cho Ngân hàng.

[2.2] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/7/2025, ông Dũng còn nợ 195.991.424 đồng, trong đó dư nợ gốc chưa thanh toán: 149.218.930 đồng, lãi chưa thanh toán: 24.127.260 đồng, phí chưa thanh toán: 22.645.234 đồng. Xét thấy, số tiền gốc, lãi, phí theo yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với nội dung Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/4/2019 mà ông Dũng đã ký kết và quy định của pháp luật.

[2.3] Xét việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Dũng phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là 195.991.424 đồng, trong đó dư nợ gốc chưa thanh toán: 149.218.930 đồng, lãi chưa thanh toán: 24.127.260 đồng, phí chưa thanh toán: 22.645.234 đồng và ông Dũng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Master kể từ ngày Toà ra bản án cho đến ngày thực tế ông Trần Việt D thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các Thông tư của Ngân hàng quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trần Việt D.

2. Buộc ông Trần Việt D phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/4/2019 (tính đến hết ngày 30/7/2025) là 195.991.424 đồng *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi*

tư đồng), trong đó dư nợ gốc: 149.218.930 đồng, nợ lãi: 24.127.260 đồng, nợ phí: 22.645.234 đồng

3. Kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Việt D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

4. Về án phí: Ông Trần Việt D phải chịu 9.799.000 đồng *(chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng, đã làm tròn)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 4.327.000 đồng (*bốn triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Hưng Yên) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000121 ngày 02/4/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trần Việt D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;*
- *THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu: hồ sơ, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lý